

chứng đến khi điều trị oxy cao áp trong nghiên cứu của chúng tôi là yếu tố liên quan không có ý nghĩa với kết cục kém tại thời điểm 1 tháng (OR: 1,01, KTC 95%: 0,9-1,1,  $p = 0,8$ ). Hiện tại các bằng chứng về mối liên quan giữa thời gian bắt đầu điều trị oxy cao áp với hiệu quả lâm sàng còn tranh cãi. Một số tác giả nhận thấy không có mối liên quan có ý nghĩa với di chứng thần kinh lâu dài, một số tác giả khác khả năng hồi phục kém khi đến trễ quá 6 giờ và 12 giờ. Có rất nhiều trường hợp cải thiện rõ rệt mặc dù điều trị chậm. Các tác giả khuyến cáo rằng nên bắt đầu điều trị càng sớm thì hiệu quả càng cao nhưng điều này chỉ dựa trên cơ sở lý thuyết và nghiên cứu mô hình động vật.

Đề tài có một số hạn chế có thể ảnh hưởng tới việc giải thích kết quả. Mặc dù là nghiên cứu có theo dõi dọc nhưng thiết kế nghiên cứu là mô tả cắt ngang chưa phản ánh đầy đủ nhất mối liên quan của các yếu tố với kết cục. Cỡ mẫu nghiên cứu nhỏ tác động đến sai số của kết quả nghiên cứu. Một số dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi tự báo cáo có thể hạn chế mức độ chính xác. Nghiên cứu không áp dụng phác đồ điều trị tối ưu do điều kiện trang thiết bị bệnh viện gây ảnh hưởng tới kết cục nghiên cứu. Trong tương lai cần có nghiên cứu phù hợp với quy mô lớn đưa ra các bằng chứng có chất lượng giải thích một số vấn đề đang còn tranh cãi.

## V. KẾT LUẬN

Mức độ nặng lâm sàng ban đầu, các biện pháp sơ cứu ban đầu và đặc biệt áp dụng phác đồ điều trị hợp lý có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến mức độ hồi phục của bệnh nhân giảm áp tùy sống.

## VI. KIẾN NGHỊ

Cấp thiết phải có chương trình đào tạo cho ngư dân về các quy tắc an toàn lặn, các biện pháp sơ cấp cứu ban đầu phù hợp.

Trang bị cho các cơ sở y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế ven biển buồng điều trị bệnh giảm áp chuyên dụng để tối ưu hiệu quả điều trị.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Văn Thành (2010)**. "Thực trạng điều kiện lao động và tai biến của ngư dân lặn đánh bắt hải sản tại huyện đảo Lý Sơn-Quang Ngãi Trong 3 năm từ 2007 - 2009". Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Y Hải Phòng.
2. **Fattal C, Leblond C (2005)**. "[Assessment of functional abilities, handicap and quality of life in patients with spinal cord injuries]". *Ann Readapt Med Phys*, 48 (6), pp. 346-60.
3. **Blatteau JE, Gempp E, Simon O, et al. (2011)**. "Prognostic factors of spinal cord decompression sickness in recreational diving: retrospective and multicentric analysis of 279 cases". *Neurocrit Care*, 15 (1), pp. 120-7.
4. **Gempp E, Blatteau JE (2010)**. "Risk factors and treatment outcome in scuba divers with spinal cord decompression sickness". *J Crit Care*, 25 (2), pp. 236-42.
5. **Yoshiyama M, Asamoto S, Kobayashi N, et al. (2007)**. "Spinal cord decompression sickness associated with scuba diving: correlation of immediate and delayed magnetic resonance imaging findings with severity of neurologic impairment--a report on 3 cases". *Surg Neurol*, 67 (3), pp. 283-7.
6. **Blatteau J-E, Lambrechts K, Ruffez JJD, et al. (2020)**. "Factors influencing the severity of long-term sequelae in fishermen-divers with neurological decompression sickness", 50 (1), pp. 9.
7. **Gempp E, Blatteau J-E, Stephant E, et al. (2008)**. "MRI findings and clinical outcome in 45 divers with spinal cord decompression sickness", 79 (12), pp. 1112-1116.
8. **Manabe Y, Sakai K, Kashihara K, et al. (1998)**. "Presumed venous infarction in spinal decompression sickness", 19 (8), pp. 1578-1580.

## TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID - 19 ĐẾN SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM NĂM 2021 - 2022

Hoàng Thị Vân\*, Đoàn Thị Nga\*, Nguyễn Thị Thu Trang\*

### TÓM TẮT

\*Trường Đại học Đại Nam  
 Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Thị Vân  
 Email: hoangvanhb@gmail.com  
 Ngày nhận bài: 20.7.2022  
 Ngày phản biện khoa học: 12.9.2022  
 Ngày duyệt bài: 22.9.2022

**Mục tiêu NC:** Đánh giá thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên khối ngành sức khỏe Trường Đại học Đại Nam trong đại dịch COVID - 19 và phân tích một số yếu tố liên quan. **Đôi tượng và PPNC:** NC mô tả cắt ngang trên 422 SV khối ngành Khoa học sức khỏe trường Đại học Đại Nam từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 2 năm 2022. **Kết quả:** Có 34,1% SV gặp rối loạn lo âu; 10,7% sinh viên stress và 1,7% sinh viên bị trầm cảm và ở mức độ nhẹ; có mối liên quan giữa số năm học, lo lắng về tác dụng phụ của Vaccin

và lo lắng cho tương lai ngành nghề đến sức khỏe tâm thần của SV khối ngành sức khỏe – Trường Đại học Đại Nam. **Kết luận:** Cần có sự trao đổi tương tác và quan tâm nhiều hơn của giáo viên, gia đình và nhà trường đến sức khỏe tâm thần của sinh viên.

**Từ khóa:** Covid – 19, sinh viên, khối ngành sức khỏe.

## SUMMARY

### IMPACT OF THE COVID-19 ON THE MENTAL HEALTH OF STUDENTS OF HEALTH SECTOR OF DAI NAM UNIVERSITY IN 2021 – 2022

**Objectives:** Assess the mental health status of health majors students at Dai Nam University during the COVID-19 pandemic and analyze some related factors. **Subjects and methods:** Cross-sectional descriptive study on 422 students of Health Sciences major at Dai Nam University from September 2021 to February 2022. **Results:** 34.1% of students had anxiety disorders; 10.7% of students are stressed and 1.7% of students have mild and moderate depression; There is a relationship between the number of years of study, worry about the side effects of the vaccine and worry about the future of the profession to the mental health of health students - Dai Nam University. **Conclusion:** There is a need for more interaction and attention from teachers, families and schools to students' mental health.

**Keywords:** Covid - 19, students, health sector.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

COVID-19 là một đại dịch không chỉ gây tổn hại đến sức khỏe con người, mà còn tác động mạnh mẽ đến sức khỏe tâm thần của họ [5]. Tại Việt Nam, từ khi xuất hiện đại dịch COVID-19 đến nay đã có một số nghiên cứu (NC) về tác động của nó đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế, của người dân, thanh thiếu niên và sinh viên (SV). Theo một NC mô tả cắt ngang được tiến hành trên 350 đối tượng là người dân sinh sống tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên bằng phương pháp điều tra trực tuyến; Kết quả cho thấy có các dấu hiệu từ nhẹ đến rất nặng lo âu là 12,29%, trầm cảm là 16% và sang chấn tâm lý là 12,29%. [4]. Một nghiên cứu khác trên 877 SV khối ngành Khoa học Sức khỏe tại một số trường đại học ở Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh cho kết quả: 12,7% SV có dấu hiệu trầm cảm trong đại dịch COVID-19; Có mối liên quan giữa sức khỏe tâm thần với các yếu tố như: Chương trình học, tình trạng đảm bảo nguồn tài chính, lo lắng về tương lai, bệnh mãn tính, phản nản về sức khỏe hiện tại, tầm quan trọng của tìm kiếm thông tin trên Internet, sự hài lòng chất lượng thông tin về dịch bệnh ( $p < 0,05$ )[3].

Như vậy, việc đánh giá được tác động của đại dịch COVID – 19 lên sức khỏe tâm thần SV là rất cần thiết trong thời điểm hiện nay khi SV

đang phải thực hiện giãn cách xã hội, học tập qua hình thức online, khả năng giao tiếp bị hạn chế, kinh tế gia đình bị giảm sút, nỗi lo mắc bệnh.... Do vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu chính sau:

*Đánh giá thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên khối ngành sức khỏe Trường Đại học Đại Nam trong đại dịch COVID – 19 và phân tích một số yếu tố liên quan.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Sinh viên hệ chính quy đang theo học các ngành thuộc khối sức khỏe trường Đại học Đại Nam và đang chịu tác động của đại dịch Covid – 19 trong năm học 2021 – 2022.

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ 01/09/ 2021- 28/02/2022

- Địa điểm nghiên cứu: Khoa Y – Khoa Điều dưỡng – Khoa Dược Trường Đại học Đại Nam.

### 2.3. Thiết kế nghiên cứu

- Thiết kế: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu: Cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo công thức:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: + n: Cỡ mẫu

+  $Z^2_{1-\alpha/2}$  : Khoảng tin cậy phụ thuộc vào mức ý nghĩa thống kê. Trong nghiên cứu này thì với khoảng tin cậy là 95% thì  $Z^2_{1-\alpha/2} = (1,96)^2$ .

+ p: Tỷ lệ hiện tại của vấn đề. Lấy  $p = 0,5$  để cỡ mẫu là lớn nhất.

+ d: Sai số cho phép = 0,05

=> Cỡ mẫu cần lấy vào nghiên cứu là 384 SV, lấy thêm 10% dự phòng: Tổng số SV cần lấy 422.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện.

### 2.5. Chỉ tiêu nghiên cứu

- Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu, như: tuổi, giới, nơi ở hiện tại, ngành học....

- Phần 2: Những thông tin liên quan đến dịch tễ và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của SV.

Gồm 15 câu hỏi, bao gồm: SV đang sống hay đi qua vùng dịch, tình trạng sức khỏe, tình hình tiêm vaccin, tiếp cận thông tin về tình hình dịch bệnh, cách đối phó khi buồn chán vì hạn chế tiếp xúc.

- Phần 3: Đánh giá lo âu – trầm cảm – stress.

Thang đánh giá Lo âu – trầm cảm – stress (DASS 21 - Depression Anxiety Stress Scale 21) là bộ công cụ tự điền gồm 21 tiểu mục chia thành 3 phần, tương ứng với mỗi phần là 7 tiểu mục.

+ Cách cho điểm như sau: Mỗi câu hỏi được

tính theo thang Likert từ 0 đến 3 điểm, cụ thể:

0 điểm: không đúng chút nào cả,

1 điểm: đúng phần nào, hoặc thỉnh thoảng mới đúng,

3 điểm: hoàn toàn đúng hoặc hầu hết thời gian là đúng.

Tổng điểm DASS của từng rối loạn được tính bằng cách lấy tổng điểm của 07 tiểu mục thành phần rối loạn hệ số 2 sẽ ra kết quả kết luận được đánh giá theo bảng dưới đây:

Mức độ	Lo âu (A)	Trầm cảm (D)	Stress (S)
Bình thường	0-7	0-9	0-14
Nhẹ	8 - 9	10 - 13	15 - 18
Vừa	10 -14	14 - 20	19 - 25
Nặng	15 -19	21 - 27	26 - 33
Rất nặng	≥ 20	≥ 28	≥ 34

**2.7. Phương pháp thu thập số liệu.** Thu thập thông tin trên Google form.

**2.8. Xử lý số liệu.** Sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu.** Nghiên cứu trên 422 SV, kết quả cho thấy: tỷ lệ nữ chiếm 80,1% và nam 19,7%.

Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu 21,00 ± 0,75.

Phân bố ngành học trong nghiên cứu cho

thấy: 52,4% SV ngành dược, y khoa 12,3%; SV năm thứ nhất là 27%, năm thứ 2 là 24,9%, năm thứ 3 là 28,4%, năm thứ 4 là 28,4%, SV năm thứ 5 (2,4%).

**3.2. Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên trong đại dịch Covid -19.** Có 60,7% SV tìm hiểu các thông tin về dịch bệnh và 64,9% quan tâm tới các thông tin tích cực, chỉ có 0,5% quan tâm nhiều về những thông tin tiêu cực; Kênh thông tin SV thường tìm hiểu qua truyền hình, phát thanh, báo, tin nhắn gửi về điện thoại từ Bộ Y tế .... chiếm 70,9%, còn 25,1% số SV tìm hiểu thông tin qua Facebook, Zalo....

**Bảng 3.1. Tình trạng tiêm Vaccin của SV (n=422)**

Thông tin tình hình tiêm Vaccin	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Tình trạng tiêm vaccin Covid -19	Đã tiêm đủ 2 mũi	417	98,8
	Đã tiêm 1 mũi	3	0,7
	Chưa tiêm	2	0,5
Tình trạng lo sợ các tác dụng phụ khi tiêm vaccin	Rất lo sợ	55	13,0
	Lo sợ ít	236	55,9
	Không lo sợ	131	31,0

**Nhận xét:** 98,8% SV đã tiêm đủ 02 mũi vaccin phòng bệnh Covid - 19; 13% SV rất lo sợ các tác dụng phụ từ vaccin khi tiêm, lo sợ ít chiếm tỷ lệ 55,9%; 31% không lo sợ.

**Bảng 3.2. Khả năng giao tiếp khi giãn cách xã hội (n=422)**

Thông tin về giao tiếp của SV		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cách thức duy trì giao tiếp cá nhân với môi trường xã hội xung quanh	Trực tiếp	16	3,8
	Gián tiếp qua điện thoại, máy tính	399	94,5
	Không giao tiếp	7	1,7
Cách thức làm giảm buồn chán do hạn chế tiếp xúc	Tham gia các hoạt động tích cực (tập thể dục, nấu ăn, trồng cây...)	226	53,6
	Sử dụng thiết bị điện tử có kết nối internet để đọc tin tức, vào mạng xã hội	191	45,3
	Sử dụng chất kích thích	0	0
	Không làm gì	5	1,2

**Nhận xét:** 94,5% SV có duy trì giao tiếp cá nhân với môi trường xã hội xung quanh bằng hình thức gián tiếp qua điện thoại, máy tính.

Khi bị hạn chế tiếp xúc để phòng tránh dịch bệnh có 53,6% SV tham gia các hoạt động tích cực; 45,3% sử dụng các thiết bị điện tử có kết nối internet để đọc tin tức vào mạng xã hội, 1,2% SV không làm gì để giảm buồn chán.

**Bảng 3.3. Học tập và định hướng nghề nghiệp (n=422)**

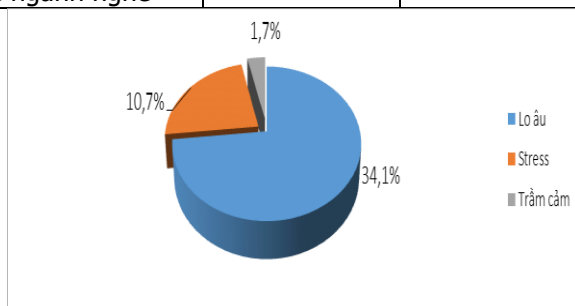
Thông tin học tập và tương lai nghề nghiệp		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hình thức học áp dụng trong thời gian dịch bệnh	Online	380	90,0
	Online và trực tiếp	42	10,0
Mong muốn hình thức học áp dụng trong thời gian giãn cách	Online	45	10,7
	Online và trực tiếp	291	69,0
	Trực tiếp	86	20,4
Tình trạng lo lắng cho tương lai	Rất lo lắng	73	17,3

ngành nghề	Lo lắng một phần	149	35,3
	Không lo lắng	73	17,3
	Không những không lo lắng mà còn tự hào về ngành nghề	127	30,1

**Nhận xét:** hình thức học của SV chủ yếu là online chiếm 90,3%; với hình thức học này chỉ có 10,7% SV muốn duy trì kéo dài. Có 17,3% SV cảm thấy rất lo lắng cho tương lai ngành nghề; 35,3% lo lắng một phần và 30,1% SV không những không lo lắng mà còn tự hào về ngành nghề đang theo học.

**3.3. Thực trạng lo âu – trầm cảm – stress ở sinh viên khối ngành sức khỏe Trường Đại học Đại Nam năm học 2021 – 2022**

**Nhận xét:** 1,7% SV bị trầm cảm; 10,7% bị Stress và 34,1% bị lo âu.



**Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ mắc stress, trầm cảm và lo âu của sinh viên khối ngành sức khỏe**

**Bảng 3.4. Tỷ lệ các mức độ stress, trầm cảm và lo âu của sinh viên (n=422)**

Mức độ/tình trạng	Lo âu = 144		Stress=45		Trầm cảm=7	
	SL	%	SL	%	SL	%
<b>Không</b>	278	65,9	377	89,3	415	98,3
<b>Nhẹ</b>	61	14,5	33	7,8	7	1,7
<b>Vừa</b>	68	16,1	12	2,8	0	0
<b>Nặng</b>	10	2,4	0	0	0	0
<b>Rất nặng</b>	5	1,2	0	0	0	0

**Nhận xét:** tỷ lệ sinh viên lo âu rất nặng chiếm 1,2%; trầm cảm nặng và stress nặng là 0%.

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tinh thần của sinh viên trong đại dịch Covid -19.**

**Bảng 3.5. Một số yếu tố liên quan đến lo âu, trầm cảm, stress ở sinh viên**

Thông tin chung		Lo âu			Stress			Trầm cảm		
		Không	Có	p	Không	Có	p	Không	Có	p
Năm học theo chương trình đào tạo	Năm thứ 1	72	42	<b>0,02</b>	103	11	0,44	113	1	<b>0,03</b>
	Năm thứ 2	63	42		90	15		100	5	
	Năm thứ 3	44	29		68	5		73	0	
	Năm thứ 4	92	28		106	14		119	1	
	Năm thứ 5	7	3		10	0		10	0	
Tình trạng sống hoặc đi qua vùng dịch lưu hành	Có	53	46	<b>0,003</b>	80	19	<b>0,002</b>	97	2	0,07
	Không	225	98		297	26		318	5	
Tình trạng lo sợ các tác dụng phụ khi tiêm vaccin	Rất lo sợ	26	29	<b>0,004</b>	46	9	0,11	55	0	0,53
	Lo sợ ít	157	79		217	19		232	4	
	Không lo sợ	95	36		114	17		128	3	
Tình trạng lo lắng cho tương lai ngành nghề	Rất lo lắng	41	32	0,134	59	14	<b>0,000</b>	73	0	0,15
	Lo lắng một phần	98	51		144	5		148	1	
	Không lo lắng	47	26		60	13		70	3	
	Không lo lắng mà còn tự hào về ngành	92	35		114	13		124	3	

**Nhận xét:** Có mối liên quan giữa năm học theo chương trình đào tạo với rối loạn lo âu và trầm cảm ở SV (p < 0,05). Trình trạng sống hoặc đi qua vùng dịch lưu hành liên quan đến loạn lo âu và stress ở SV (p < 0,05); tình trạng lo sợ các tác dụng phụ khi tiêm vaccin cũng liên quan đến

rối loạn lo âu ở SV với p < 0,05; tình trạng lo lắng cho tương lai ngành nghề có mối liên quan với stress ở SV (p = 0,000).

**IV. BÀN LUẬN**

**4.1. Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên trong đại dịch Covid-19**

**Thực trạng lo âu ở sinh viên.** Kết quả nghiên cứu cho thấy có 34,1% SV gặp rối loạn lo âu, cụ thể 1,2% SV lo âu ở mức độ rất nặng; 2,4% ở mức độ nặng; 16,1% ở mức độ vừa và 14,5% ở mức độ nhẹ. Kết quả của chúng tôi thấp hơn kết quả của Son và cs (2020), NC cho thấy 86% SV bị rối loạn giấc ngủ [5]. Một NC khác đánh giá tình trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên Đại học sống giữa vùng cách ly COVID-19 ở Hy Lạp, có 42,5% SV có lo âu; 74,3% SV biểu hiện trầm cảm và 63,3% trầm cảm mức độ nặng có ý định tự tử. Số lượng SV có rối loạn giấc ngủ tăng lên 66,3%; 57% SV có chất lượng cuộc sống xấu đi. Số ca lâm sàng có biểu hiện trầm cảm tăng 25 – 30 lần và số người có ý định tự tử tăng gần 8 lần [6].

Tỷ lệ sinh viên có lo âu trầm cảm trong NC của chúng tôi thấp hơn có thể do sự khác biệt về thời gian NC, khi các tác giả trên đều tiến hành khảo sát vào khoảng thời gian năm 2020 lúc đó bệnh Covid – 19 mới xuất hiện, mọi biện pháp đối phó với dịch bệnh ở các nước còn đang lúng túng, biện pháp phòng bệnh chủ yếu là giãn cách xã hội, điều trị những trường hợp nặng, tình trạng thiếu nghiêm trọng các trang thiết bị và vật tư y tế, khiến cho tỷ lệ tử vong ở người nhiễm cao. Còn NC của chúng tôi được tiến hành vào khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến 02/2022 khi đó tình trạng dịch đã phần nào được kiểm soát, hầu hết người dân đã tiêm đủ 2 mũi vaccin phòng bệnh, tỷ lệ tử vong/tỷ lệ mắc thấp, người dân đã trải qua 3 làn sóng dịch bệnh và đang ở làn sóng dịch thứ 4 nên đã có sự thích nghi hơn.

**Về thực trạng Stress:** Có 10,7% SV gặp rối loạn stress, trong đó có 2,8% SV bị stress ở mức độ vừa và 7,8% ở mức độ nhẹ. Kết quả này thấp hơn so với một số NC trên Thế giới. Theo NC mô tả cắt ngang trên 638 SV Đại học ngành Điều dưỡng – Hộ sinh tại Úc trong đại dịch COVID-19, có 402% có biểu hiện stress [7]. Nghiên cứu khác về tác động của đại dịch COVID-19 đối với tâm lý SV trường Đại học ở vùng Bench-Sheko, tây nam Ethiopia, cho thấy: 32,5% SV có căng thẳng[8].

**Về thực trạng trầm cảm:** Tỷ lệ SV có trầm cảm nhưng biểu hiện ở mức độ nhẹ trong nghiên cứu chúng tôi là 1,7%. Tỷ lệ này nhỏ hơn rất nhiều so với NC của Nguyễn Hoàng Thùy Linh và cs tiến hành trên 877 SV tại một số trường Đại học Khoa học sức khỏe ở Huế, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh bằng khảo sát trực tuyến năm 2020 sử dụng thang đo WHO – 5 thì tỷ lệ trầm cảm là 12,7% [3]; Và NC của tác giả Phan Nguyệt Hà trên 1325 SV Trường Đại học Y Hà Nội từ tháng 12/2021 đến tháng 02/2022 lại cho thấy tỷ lệ

trầm cảm cao hơn với 57,1% trong đó 16,5% trầm cảm mức độ nhẹ, 25,1% trầm cảm mức độ vừa, 7,1% trầm cảm mức độ nặng và 8,4% rất nặng [1]. Kết quả nghiên cứu của tác giả Wynter, K. và cs (2021) cho thấy: tỷ lệ SV có biểu hiện trầm cảm ở mức trung bình đến nặng là 48,5%[8].

**4.2. Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của sinh viên.** Kết quả NC của chúng tôi cho thấy, một số yếu tố như số năm học, lo lắng về tác dụng phụ của Vaccin và lo lắng cho tương lai ngành nghề có liên quan đến trầm cảm, hoặc lo âu hoặc stress của SV (với  $p < 0,05$ ).

Kết quả này cũng có nhiều điểm tương đồng với một số NC khác [3],[7]. Cụ thể: NC của Nguyễn Hoàng Thùy Linh và cs tìm ra: chương trình học, tình trạng đảm bảo nguồn tài chính, lo lắng về tương lai, bệnh mãn tính, phàn nàn về sức khỏe hiện tại, tầm quan trọng của tìm kiếm thông tin trên Internet, sự hài lòng chất lượng thông tin về dịch bệnh liên quan đến mức độ lo âu, trầm cảm của SV ( $p < 0,05$ ) [3]; hay NC của Wynter và cs thì SV năm cuối có tình trạng sức khỏe kém có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với mức độ lo lắng, căng thẳng ( $p < 0,05$ ) [7].

## V. KẾT LUẬN

Có 34,1% SV gặp rối loạn lo âu; 10,7% sinh viên stress và 1,7% sinh viên bị trầm cảm và ở mức độ nhẹ.

Có mối liên quan giữa số năm học, lo lắng về tác dụng phụ của Vaccin và lo lắng cho tương lai ngành nghề đến sức khỏe tâm thần của SV khối ngành sức khỏe – Trường Đại học Đại Nam.

## KHUYẾN NGHỊ

**\*Đôi với sinh viên:** Nâng cao hiểu biết của bản thân và năng lực ứng phó với các tình huống dịch bệnh bất thường xảy ra.

Nhận biết được các dấu hiệu sớm cần phải quan tâm đến sức khỏe tâm thần của bản thân và những người xung quanh.

**\*Đôi với gia đình:** Quan tâm và thường xuyên trò chuyện, hỗ trợ và tư vấn tâm lý cho con, em mình.

**\*Đôi với nhà trường, giảng viên:** *Giảng viên:* Qua các buổi học trực tuyến nên quan tâm, trò chuyện với SV nhiều hơn, chuẩn bị bài giảng cuốn hút, thiết kế các trò chơi phù hợp nội dung học, đặt nhiều câu hỏi, giảng dạy thông qua nghiên cứu tình huống để tăng tương tác với SV.

*Khoa và nhà trường:* Tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn trực tuyến để hỗ trợ tâm lý cho SV, thiết kế chương trình học theo module kết hợp online và trực tiếp trong khối lượng cho phép ngay cả khi không có dịch bệnh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Nguyệt Hà, Trần Thơ Nhị (2022). Trầm cảm ở sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và một số yếu tố liên quan, Tạp chí Y học Việt Nam, 515(1), 10.
2. Khái niệm cơ bản về sức khỏe tâm thần, <<https://benhvientamthan.danang.gov.vn/chuyen-de-tam-than/3/34/khai-niem-co-ban-ve-suc-khoe-tam-than.html>>.
3. Nguyễn Hoàng Thùy Linh và cs, 2021, Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan ở sinh viên trong làn sóng đại dịch covid-19 thứ nhất tại một số trường đại học khoa học sức khỏe ở Việt Nam năm 2020, Tạp chí y học dự phòng, 31(6), 114.
4. Hoàng Minh Nam và cộng sự (2021). Ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến công việc, cuộc sống và sức khỏe tâm thần của người dân Tỉnh Thái Nguyên năm 2020. Tạp chí y học dự phòng, 31(2), 49.
5. Son C, Hegde S, Smith A, Wang X, & Sasangohar F. (2020). Effects of COVID-19 on College Students' Mental Health in the United States: Interview Survey Study. Journal of medical Internet research, 22(9), e21279.
6. Kaparounaki C. K, Patsali M. E, and et al (2020). University students' mental health amidst the COVID-19 quarantine in Greece. Psychiatry research, 290, 113111.
7. Wynter K, Redley B, Holton S, Manias E, and et al (2021). Depression, anxiety and stress among Australian nursing and midwifery undergraduate students during the COVID-19 pandemic: a cross-sectional study. International Journal of Nursing Education Scholarship, 18(1).
8. Aylie N. S, Mekonen M. A, & Mekuria R M. (2020). The psychological impacts of COVID-19 pandemic among university students in Bench-Sheko Zone, South-west Ethiopia: a community-based cross-sectional study. Psychology research and behavior management, 13, 813.

## SUY GAN CẤP TRÊN NỀN MẠN: BÁO CÁO CA LÂM SÀNG ĐIỀU TRỊ THÀNH CÔNG BẰNG THAY HUYẾT TƯƠNG

Cao Ngọc Tuấn<sup>1</sup>, Bùi Hữu Hoàng<sup>1,2</sup>, Võ Duy Thông<sup>1,3</sup>

## TÓM TẮT

Suy gan cấp trên nền mạn là một biến chứng nặng ở những bệnh nhân bệnh gan mạn tính. Định nghĩa và tiêu chuẩn của suy gan cấp trên nền mạn có sự khác biệt giữa phương Tây (các nước Âu-Mỹ) và phương Đông (châu Á). Điều trị suy gan cấp trên nền mạn chủ yếu là điều trị triệu chứng và các yếu tố thúc đẩy. Bệnh có tỷ lệ tử vong cao, thường cần phải được ghép gan hoặc điều trị thay huyết tương hỗ trợ. Chúng tôi xin báo cáo một trường hợp bệnh nhân nam, 73 tuổi, được chẩn đoán suy gan cấp trên nền mạn độ 2 (10 điểm) do đợt bùng phát viêm gan B mạn, theo tiêu chuẩn của Hiệp hội nghiên cứu bệnh gan châu Á Thái Bình Dương. Bệnh nhân nhập viện trong tình trạng vàng da, ăn kém, mệt mỏi, nước tiểu vàng sậm. Bệnh nhân đáp ứng kém với thuốc điều trị thông thường và được điều trị bằng thay huyết tương.

**Từ khóa:** Suy gan cấp trên nền mạn, viêm gan virus B, thay huyết tương

## SUMMARY

### ACUTE ON CHRONIC LIVER FAILURE: A SUCCESSFUL THERAPEUTIC PLASMA EXCHANGE CASE REPORT

<sup>1</sup>Bệnh viện Đại Học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Đại Học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>3</sup>Bệnh viện Chợ Rẫy

Chịu trách nhiệm chính: Võ Duy Thông

Email: duythong@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 1.8.2022

Ngày phản biện khoa học: 19.9.2022

Ngày duyệt bài: 28.9.2022

**Abstract:** Acute-on-chronic liver failure (ACLF) is a serious complication in patients with chronic liver disease. The definition and criteria of acute on chronic liver failure differ between the West (European and American countries) and the East (Asia). Treatment of acute on chronic liver failure is mainly symptomatic and removing precipitating factors. The disease has a high mortality rate, often requiring liver transplantation or therapeutic plasma exchange. We report a 73 year-old male patient, diagnosed with acute-on-chronic liver failure, grade 2 (10 points) due to acute exacerbations of chronic hepatitis B, according to the Asian Pacific association for the study of the liver). The patient was hospitalized in a state of jaundice, lost appetite, fatigue, dark yellow urine. The patient poorly responded to conventional treatment and he was treated with plasma exchange.

**Keywords:** Acute on chronic liver failure, hepatitis B, plasma exchange

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy gan cấp trên nền mạn là tình trạng suy chức năng gan cấp tính ở bệnh nhân có bệnh gan mạn hoặc xơ gan còn bù đã được chẩn đoán hoặc chưa được chẩn đoán trước đó. Gần đây, thuật ngữ suy gan cấp trên nền mạn được dùng để mô tả tình trạng suy chức năng gan cấp có tỷ lệ tử vong cao trong 28 ngày liên quan đến phản ứng viêm toàn thân, dẫn đến suy của một hay nhiều cơ quan ngoài gan (1).

Hiện nay, điều trị suy gan cấp trên nền mạn tập trung vào nguyên nhân và các yếu tố thúc đẩy nếu có. Ghép gan là phương pháp điều trị